

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **130/2023/HC-ST**

Ngày: 28-8-2023

“V/v: khiếu kiện QĐHC trong lĩnh
vực quản lý đất đai”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.
2. Bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 90/2023/TLST-HC ngày 15/5/2023, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HC ngày 09/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Đình L, sinh năm 1957 – Địa chỉ: Số 470 Đường C, tổ dân phố 2, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B - Địa chỉ: Số 01 đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Phó chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Số 01 đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2023), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Phạm Văn N – Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 66 đường C, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1958, anh Phạm Tuấn N1, sinh năm 1988, chị Phạm Diệu H1, sinh năm 1993, cùng địa chỉ: Số 470 Đường C, tổ dân phố 2, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh N1, chị H1: ông Phạm Đình L, sinh năm 1957 – Địa chỉ: Số 470 Đường C, tổ dân phố 2, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 16/6/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người khởi kiện đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Đình L trình bày có nội dung như sau:*

Vào năm 1998 gia đình tôi sử dụng đất hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công Ty TNHH MTV Cà phê B theo Hợp đồng số 172/HĐKT ngày 01/07/1998, thửa đất số 22, tờ bản đồ 03, thuộc vùng Bà Mai, đội 01, với diện tích 7.660 m² đất trồng cây cà phê, thời gian hợp đồng kể từ ngày 01/07/1998 đến ngày 31/12/2008 và sau đó ký các hợp đồng giao khoán cho đến ngày có Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố B.

Ngày 21/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10348/QĐ-UBND về việc: “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố 4, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Đợt 3)”. Theo đó gia đình tôi bị thu hồi diện tích đất thực tế 2.779,3 m² đất trồng cây lâu năm đã được thu hồi tại Quyết định 07/2017/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Gia đình tôi không đồng ý với một phần Quyết định nói trên, bởi lẽ:

Về chi phí đầu tư vào đất còn lại: Tại mục b Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 thì chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất trồng cây lâu năm không được bồi thường là không phù hợp, vì: Theo mục 2 khoản 2 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 9 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND Tỉnh Đắk Lắk quy định: “Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi tính theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định”.

Về hỗ trợ theo loại đất hiện trạng: Quyết định 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 không được bồi thường là không phù hợp, vì: Theo mục 2,3 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định:

2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

b) Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

Về cây cối hoa màu: Tại điểm d bảng tính bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu: Đối với các loại cây trồng UBND thành phố B cho rằng số cây trồng trên đất của Hộ gia đình đến ngày 20/07/2021 đã bị ông S san ủi vườn cây được xác định tại biên bản làm việc ngày 20/07/2021, Ông Phạm Đình L đã được ông S bồi thường thiệt hại vườn cây theo giấy nhận tiền ngày 22/07/2021, tại thời điểm thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ thì vườn cây đã không còn nên không có cơ sở bồi thường hỗ trợ, nhưng thực tế theo Biên bản kiểm đếm cây trồng vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 20/07/2021 tại Tổ dân phố 4, Phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Ông Phạm Ngọc C điều tra viên thuộc Công an Thành Phố B, Tỉnh Đắk Lắk cùng các thành viên lập biên bản (có Biên bản kèm theo) thì số cây trồng trên đất còn lại nguyên vẹn chưa được Ông S bồi thường có tổng giá

trị vườn cây là 119.376.560 đồng (Một trăm mười chín triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi đồng) (có văn bản tính chi phí kèm theo). Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/04/2020 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Về hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích đất của gia đình tôi đã được thu hồi 100% được chia làm 3 đợt. Tại điểm e, Bảng tính bồi thường hỗ trợ đời sống của UBND thành phố B, diện tích thu hồi là 37,4% là không phù hợp. Theo Mục 2 Khoản 1 Điều 17 QĐ số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk:

“b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 36 tháng ”.

Nhưng tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND Thành phố B chưa được xem xét bồi thường, hỗ trợ cây trồng còn lại chưa được Ông S hỗ trợ và chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ tiền theo loại đất hiện trạng sử dụng đất. Hỗ trợ đời sống là không đúng với quy định.

Vì vậy, ông Phạm Đình L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết:

Hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND Thành phố B về việc “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố 4, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Đợt 3)”.

- Buộc UBND Thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cây trồng còn lại trên đất thu hồi chưa được Ông S hỗ trợ và chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ tiền theo loại đất hiện trạng sử dụng đất bị thu hồi và hỗ trợ ổn định đời sống.

**/ Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B, ông Lê Đại T trình bày có nội dung như sau:*

Nguồn gốc sử dụng đất: Hộ ông Phạm Đình L ký Hợp đồng số 172/HĐKT ngày 10/02/2012 với Công ty TNHH MTV cà phê B về việc giao khoán đất nông nghiệp sản xuất cây hàng năm với diện tích 7.660 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ dự án số 27, diện tích thửa đất 7.503,4 m²), trong đó 4.258,8 m² đã thu hồi để thực hiện Dự án: Cơ sở sản xuất Bánh ngọt Hà Nội, Tổ dân phố 4, phường N (thực hiện năm 2020) và diện tích còn lại 2.779,3 m² thu hồi tại Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố 4, phường N. Thời hạn hợp đồng từ năm 2012 đến năm 2015.

Năm 2017, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cà phê B (do giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết

định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất của hộ ông Phạm Đình L nhận khoán.

Căn cứ Công văn số 6545/UBND-TH ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về việc đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố 4, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án; Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án; Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 01/04/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố 4, phường N, thành phố B.

Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Phạm Đình L đã được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 (đợt 3) (tại mục số 6 trang số 9, 10, 11, 12, Bảng tính chi tiết đính kèm) với tổng kinh phí là: 193.548.528 đồng, bao gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ nhà, tài sản vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm không bao gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại.

* Đối với nội dung khởi kiện của hộ ông Phạm Đình L, Ủy ban nhân dân thành phố B có ý kiến như sau:

1. Bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại: Căn cứ Điều 3, Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 3, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì Hợp đồng số 172/HĐKT ngày 10/02/2012 của hộ ông Phạm Đình L đã hết hạn ngày 31/12/2015. Do đó không đủ điều kiện để bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

2. Đề nghị hỗ trợ khác theo Điểm 2, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, cụ thể: “Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định”.

Hộ ông Phạm Đình L sử dụng đất có nguồn gốc là đất nhận khoán với Công ty TNHH MTV cà phê B đã được hỗ trợ theo khoản 2, Điều 83, Luật Đất đai 2013, do đó không được hỗ trợ khác theo Điểm 2, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Mặc khác tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022) thì Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (có hiệu lực ngày 25/3/2022) đã thay thế Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk

về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai. Nội dung ông Phạm Đình L đề nghị hỗ trợ khác tại Điểm 2, Khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk là không có cơ sở (vì Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 đã hết hiệu lực).

3. Bồi thường hỗ trợ số lượng cây trồng còn lại sau khi bị ông S san ủi nhằm có giá trị 119.376.560 (bằng chữ Một trăm mười chín triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi nghìn đồng):

Ngày 20/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã phối hợp với Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và các đơn vị có liên quan kiểm đếm, xác định số lượng cây trồng còn lại trên đất sau khi bị ông S ủi nhằm vườn cây (có biên bản kèm theo). Ngày 22/7/2021, ông S đã hỗ trợ chi phí công chăm sóc cho gia đình ông Phạm Đình L với số tiền 250.000.000 (bằng chữ Hai trăm năm mươi triệu đồng) và ông Phạm Đình L nộp đơn xin bãi nại và cam kết không còn khiếu kiện đến vụ việc nêu trên. Tại thời điểm thẩm định phương án (ngày 23/11/2022), Hội đồng thẩm định phương án thành phố B đã kiểm tra thực địa thửa đất thu hồi, xác định trên khu đất không còn cây trồng nên không có cơ sở để bồi thường, hỗ trợ phần tài sản cây cối hoa màu.

4. Nội dung hỗ trợ ổn định đời sống: Hộ ông Phạm Đình L bị thu hồi tại Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tại Tổ dân phố 4, phường N là 2.779,3 m² và Dự án: Cơ sở sản xuất Bánh ngọt Hà Nội, tại Tổ dân phố 4, phường N là 4.258,8 m². Vậy, hộ ông Phạm Đình L đã thu hồi 100% diện tích (do phần diện tích còn lại đã bị thu hồi bởi Dự án khác). Nội dung này Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đang lập phương án bổ sung đối với ông Phạm Đình L.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày quan điểm: Đối với các yêu cầu của người khởi kiện thì Ủy ban nhân dân thành phố B đã có ý kiến, viện dẫn các quy định là căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính;

Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình L, hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố 4, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với phần bồi thường của hộ ông Phạm Đình L về nội dung không hỗ trợ về cây trồng ngoài phạm vi ông S san ủi theo biên bản lập ngày

20/7/2021, về hỗ trợ ổn định đời sống, đề UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất mới theo đúng quy định của pháp luật. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình L về yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại và yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 21/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10348/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố 4, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Sau đây viết tắt là Quyết định số 10348). Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Đình L nên yêu cầu khởi kiện của ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Không đồng ý với một phần Quyết định số 10348 ngày 21/12/2022 của UBND thành phố B, ngày 26/4/2023 ông Phạm Đình L gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Đối với người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Năm 1998 Công ty TNHH MTV Cà phê B và ông Phạm Đình L ký hợp đồng nhận khoán số 172/HĐKT ngày 01/7/1998 về việc giao khoán đất nông nghiệp sản xuất cây hàng năm với diện tích 7.660 m² tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ dự án số 27, diện tích thửa đất 7.503,4 m²). Ngày 10/02/2012 hai bên ký lại hợp đồng số 172/HĐGK-CT đối với phần diện tích đất trên, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2015. Công ty TNHH MTV Cà phê B chưa thanh lý hợp đồng với hộ ông Phạm Đình L và không ký lại do giải thể. Toàn bộ phần diện tích đất trên đã được thu hồi theo Quyết định 07/2017/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình L đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất, thấy rằng:

- Về yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại: Theo hợp đồng số 172/HĐKT ngày 10/02/2012 giữa Công ty TNHH MTV Cà phê B và ông Phạm Đình L thì hạn hợp đồng tính đến ngày 31/12/2015. Ngày 04/01/2017 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND để thu hồi toàn bộ phần diện tích nhận khoán nên Căn cứ Điều 3, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 3 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ông L không đủ điều kiện để bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, nên không có căn cứ chấp nhận nội dung khởi kiện này của ông L.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng sử dụng bị thu hồi:

Ông Phạm Đình L thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. Nên ông L không thuộc trường hợp được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng theo điểm b khoản 2 Điều 20 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của ông L là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng:

Tại biên bản kiểm đếm ngày 11/01/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành kiểm đếm đầy đủ các cây trồng và tài sản trên phần diện tích đất thu hồi do ông Phạm Đình L nhận khoán (bút lục 63-66). Tuy nhiên sau khi kiểm đếm thì ngày 16/7/2021 ông S đã sản ủi cây trồng nhằm sang phần diện tích đất mà ông Phạm Đình L nhận khoán. Ngày 20/7/2021, gia đình ông Phạm Đình L và đại diện Công an phường N, đại diện Viện kiểm sát thành phố B, đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk có lập biên bản xác định số cây trồng còn lại sau khi bị hủy hoại gồm: Cây đu đủ: 07 cây; Điều trụ tiêu 15 cây; Tiêu trụ điều 15 cây; Lúc nác trụ tiêu: 01 cây; Tiêu trụ lúc nác: 01 cây; Muồng trụ tiêu: 02 cây; Tiêu trụ muồng: 02 cây; Gòn trụ tiêu: 01 cây; Tiêu trụ gòn: 01 cây; Bơ ghép lớn: 13 cây; Cây Sanh lớn: 01 cây; Muồng lớn: 04 cây; Điều lớn: 03 cây; Chè xanh: 12 cây; Sầu riêng nhỏ: 01 cây; Mít lớn: 01 cây; Nhãn lớn: 01 cây; Cà phê kinh doanh: 61 cây; Gòn lớn: 14 cây; Lúc nác: 10 cây; Me lớn: 01 cây; Chuối có buồng: 01 cây; Chuối không buồng: 11 cây (55-56).

Tại biên bản họp thẩm định ngày 23/11/2022 (bút lục số 58), Hội đồng thẩm định xác định số cây trồng hộ ông Phạm Đình L bị ông S ủi nhằm (thiệt hại hơn 80% số lượng cây), như vậy, đối với phần cây trồng còn lại như biên bản

làm việc ngày 20/7/2021 chưa được bồi thường. Xét thấy việc kiểm đếm được thực hiện và lập biên bản ngày 11/01/2021 và sau khi ông S san ủi, ngày 20/7/2021 ông L và đại diện các cơ quan có liên quan có lập biên bản xác định số cây còn lại chưa được bồi thường do đó Hội đồng thẩm định xác định tại thời điểm thẩm định, cây trồng còn lại sau khi san ủi không còn nên không có cơ sở hỗ trợ là không đúng. Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu hỗ trợ đối với số cây trồng ngoài phạm vi ông S san ủi theo biên là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống:

Ông Phạm Đình L nhận giao khoán với Công ty TNHH MTV Cà phê B. Tại biên bản xác minh ngày 28/9/2022 (bút lục 72) xác nhận: “*Hộ ông Phạm Đình L là hộ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích thu hồi*”. Do đó hộ ông Phạm Đình L thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) nên được hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định 07/2017/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi toàn bộ phần diện tích đất ông Phạm Đình L nhận khoán. Như vậy phần diện tích thu hồi của hộ ông L là 100%, nhưng UBND thành phố B xác định phần diện tích thu hồi 2.779,3m² tương đương với 37,4% là không đúng. Mặc khác, tại bản tự khai, người bị kiện cũng xác định hộ ông Phạm Đình L đã thu hồi 100% diện tích và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đang lập phương án bổ sung. Do đó, ông L được hỗ trợ ổn định đời sống theo điểm b khoản 1 Điều 17 Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, nên cần chấp nhận nội dung khởi kiện của ông L.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình L, hủy một phần Quyết định số 10348 ngày 21/12/2022 của UBND thành phố B đối với phần bồi thường của hộ ông Phạm Đình L về nội dung không hỗ trợ về cây trồng chưa được bồi thường, về hỗ trợ ổn định đời sống, để buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất mới theo đúng quy định của pháp luật. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình L về yêu cầu hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại và yêu cầu hỗ trợ theo loại đất hiện trạng.

[5] Về án phí: Do được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 83, Điều 88, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi

Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình L.

1.1. Hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố 4, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phần nội dung không hỗ trợ về cây trồng ngoài phạm vi ông S đã san ủi theo biên bản làm việc ngày 20/7/2021 và hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ ông Phạm Đình L.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Phạm Đình L về nội dung: Hỗ trợ cây trồng ngoài phạm vi ông S đã san ủi theo biên bản làm việc ngày 20/7/2021; hỗ trợ ổn định đời sống theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình L về việc buộc UBND thành phố B hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ theo loại đất hiện trạng.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng